



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 40

1789
G TY
M HỮU
TOÁN
T.L
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 7 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 VND.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có đầu tư vào 02 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, Ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007	
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011	
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008	
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25/4/2008	25/4/2013
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011	
Ông Nguyễn Thanh Sang	Thành viên	25/4/2013	4/10/2013

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004	
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01/6/2007	14/5/2013
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009	
Ông Phạm Vương Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	12/3/2013	18/11/2013
Ông Vũ Thành Nam	Giám đốc Tài Chính	02/11/2012	
Bà Nguyễn Thị Phước Diên	Kế toán trưởng	02/11/2012	

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH NGHĨA



Số: 14.129/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014 từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0067-2013-026-1

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1727-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.339.070.883.169	1.065.180.913.743
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	102.869.673.266	27.467.867.667
1. Tiền	111		17.149.600.913	22.857.867.667
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.720.072.353	4.610.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	986.841.000	646.550.997
1. Đầu tư ngắn hạn	121		988.103.451	988.103.451
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1.262.451)	(341.552.454)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.3)	133.650.787.214	64.840.753.243
1. Phải thu khách hàng	131		94.700.274.006	57.765.691.429
2. Trả trước cho người bán	132		12.973.565.358	10.557.716.671
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		35.567.669.800	3.818.466.840
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.590.721.950)	(7.301.121.697)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	1.062.204.700.037	936.438.103.645
1. Hàng tồn kho	141		1.080.940.047.890	945.314.630.207
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.735.347.853)	(8.876.526.562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.358.881.652	35.787.638.191
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.5)	7.544.520.858	479.810.632
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.079.292.382	16.149.050.987
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		21.692.876	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.6)	22.713.375.536	19.158.776.572

(phần tiếp theo trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		939.765.702.793	847.195.543.652
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		935.864.693.478	846.162.274.553
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.7)	722.850.930.483	472.878.612.944
+ Nguyên giá	222		829.064.114.192	532.356.401.173
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.213.183.709)	(59.477.788.229)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	(5.8)	8.400.668.848	9.693.079.445
+ Nguyên giá	225		10.339.284.741	10.339.284.741
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.938.615.893)	(646.205.296)
3. TSCĐ vô hình	227	(5.9)	58.450.742.155	59.890.619.372
+ Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.510.804.653)	(3.070.927.436)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.10)	146.162.351.992	303.699.962.792
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		941.482.641	339.477.795
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		941.482.641	339.477.795
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.959.526.674	693.791.304
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		55.369.865	90.000.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	(6.10)	2.598.687.889	298.322.384
3. Tài sản dài hạn khác	268		305.468.920	305.468.920
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.278.836.585.962	1.912.376.457.395

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.536.215.773.799	1.187.631.474.195
I. Nợ ngắn hạn	310		1.270.466.153.813	992.683.063.545
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.12)	714.456.822.063	669.222.608.154
2. Phải trả người bán	312	(5.13)	475.291.044.025	225.246.936.198
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.13)	41.712.658.824	7.829.950.192
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.14)	12.245.243.447	74.023.754.434
5. Phải trả người lao động	315	(5.15)	5.223.777.963	3.033.575.364
6. Chi phí phải trả	316	(5.16)	10.591.223.258	3.945.227.288
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.17)	8.555.967.449	4.088.022.961
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.18)	2.389.416.784	5.292.988.954
II. Nợ dài hạn	330		265.749.619.986	194.948.410.650
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.19)	265.749.619.986	194.948.410.650
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		742.620.812.163	724.744.983.200
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.20)	742.620.812.163	724.744.983.200
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		501.360.900.000	501.360.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.852.283.540	160.852.283.540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.017.792.309	25.358.534.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.479.121.366	2.632.796.366
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		110.549.400.532	93.179.154.569
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.278.836.585.962	1.912.376.457.395

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		448.132,68	4.446,19
+ EUR		100,27	100,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.051.434.956.659	1.603.276.548.706
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.571.997.410	6.961.366.135
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	2.044.862.959.249	1.596.315.182.571
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.872.261.521.954	1.436.833.089.343
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		172.601.437.295	159.482.093.228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.424.987.625	2.737.756.758
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	86.242.078.246	91.071.612.637
trong đó, chi phí lãi vay	23		75.569.271.657	87.070.331.027
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	20.071.094.882	11.921.572.052
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	46.407.812.433	40.073.624.185
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.305.439.359	19.153.041.112
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	327.351.780	10.920.037.651
12. Chi phí khác	32	(6.8)	3.723.241.908	15.592.194.100
13. Lợi nhuận khác	40		(3.395.890.128)	(4.672.156.449)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		18.909.549.231	14.480.884.663
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.9)	2.429.656.168	1.594.044.991
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(6.10)	(2.300.365.505)	(298.322.384)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		18.780.258.568	13.185.162.056
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		18.780.258.568	13.185.162.056
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	(5.20.5)	400	281

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.909.549.231	14.480.884.663
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		50.734.932.802	24.009.468.198
Các khoản dự phòng	03		11.808.131.541	(7.251.105.501)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		810.933.926	208.195.515
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.682.012.051)	(1.510.099.714)
Chi phí lãi vay	06		75.569.271.657	87.070.331.027
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		156.150.807.107	117.007.674.188
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(67.921.890.786)	228.295.741.673
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(135.815.284.953)	94.277.876.275
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		116.903.012.781	(125.703.666.224)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(6.394.935.632)	(266.489.629)
Tiền lãi vay đã trả	13		(74.720.460.087)	(108.881.357.789)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.744.911.008)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	574.615.696.057
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.867.164.523)	(580.777.284.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.410.827.102)	198.568.189.554
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.915.816.346)	(294.026.012.015)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.182.297.323
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.820.152.871
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(602.004.846)	(271.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.708.678.708	1.248.381.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.809.142.484)	(280.046.180.098)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.841.346.771.744	1.721.733.090.329
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.720.853.198.496)	(1.610.715.127.431)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.563.804.064)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(48.645.746.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		116.929.769.184	62.372.216.738
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		75.709.799.598	(19.105.773.806)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.467.867.667	46.573.662.231
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(307.993.999)	(20.758)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		102.869.673.266	27.467.867.667

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

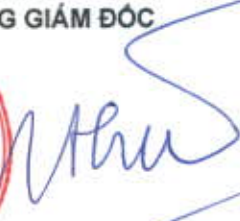
TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 7 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 VND.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, Ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 617 (31/12/2012: 479).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là:
 - + Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
 - + Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
 - + Mua bán sắt thép các loại.
 - + Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
 - + Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
 - + Mua bán nông sản.
 - + Mua bán vỏ, ruột xe.
 - + Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
 - + Xây dựng nhà các loại.
 - + Thi công hệ thống điện công trình.
 - + Thi công hệ thống nước công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- + Đúc sắt, thép.
- + Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- + Chế biến nông sản.
- + Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- + Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- + Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- + Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ dụng cụ và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2013
+	
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

4.8. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Năm 2013

Máy móc, thiết bị

08 năm

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn là 8 năm.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

- Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác

- + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Nhóm công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

<u>Mục đích</u>		<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Thuế

▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

▪ Các công ty trong Nhóm công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

- + Đối với Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2005 đến năm 2011).

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

- + Đối với Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|---------------------|-----|
| + Cung cấp hàng hóa | 10% |
| + Các dịch vụ khác | 10% |

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.19. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	293.261.030	610.934.912
Tiền gửi ngân hàng	16.855.709.883	22.246.932.755
Các khoản tương đương tiền	85.720.702.353	4.610.000.000
Tổng cộng	102.869.673.266	27.467.867.667

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	988.103.451
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.262.451)	(341.552.454)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	986.841.000	646.550.997

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng (CP)	VND	Số lượng (CP)	VND
Cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	113.430	988.103.451

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	94.700.274.006	57.765.691.429
Trả trước cho người bán	12.973.565.358	10.557.716.671
Các khoản phải thu khác	35.567.669.800	3.818.466.840
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	143.241.509.164	72.141.874.940
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.590.721.950)	(7.301.121.697)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	133.650.787.214	64.840.753.243

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty, được chi tiết như sau:

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng tại Công ty CP Đại Thiên Lộc	62.377.543.202	21.038.766.534
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	32.151.185.956	36.555.380.047
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	171.544.848	171.544.848
Cộng	94.700.274.006	57.765.691.429

Trong khoản phải thu khách hàng có khoản phải thu từ các bên liên quan là 11.053.474.126 VND – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	622.744.750
Thuế Giá trị gia tăng chờ được khấu trừ	7.121.585.266	1.353.346.196
Thuế GTGT chờ được hoàn	22.242.813.785	-
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	1.584.922.724	211.747.822
Phải thu khác	4.118.348.025	1.630.628.072
Cộng	35.567.669.800	3.818.466.840

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	(20.998)	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(216.591.618)	(142.953.083)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(2.492.016.235)	(209.585.986)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.882.093.099)	(6.948.582.628)
Cộng	(9.590.721.950)	(7.301.121.697)

5.4. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	25.289.120.733	-
Nguyên liệu, vật liệu	51.389.201.374	149.907.602.993
Công cụ, dụng cụ	15.111.699.496	6.923.086.049
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	146.409.718	204.473.512
Thành phẩm	453.981.826.068	303.445.837.868
Hàng hóa	535.021.790.501	484.833.629.785
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.080.940.047.890	945.314.630.207
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.735.347.853)	(8.876.526.562)
Giá trị thuần có thể thực hiện	1.062.204.700.037	936.438.103.645

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 9.858.821.291 VND do giá gốc hàng tồn kho thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Hàng tồn kho với giá trị là 513.922.814.090 VND và 22.066.032,32 USD được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.12.

5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là công cụ, dụng cụ xuất dùng phân bổ.

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.420
Tạm ứng	3.441.042.310	1.085.152.014
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.151.052.806	17.952.344.138
Tổng cộng	22.713.375.536	19.158.776.572

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**Ngàn đồng**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.931.484	477.627.222	34.300.742	2.184.842	1.312.111	532.356.401
Mua trong năm	-	7.588.853	733.000	-	-	8.321.853
Đầu tư XDCB hoàn thành	119.020.881	165.605.295	5.690.909	-	-	290.317.085
Thanh lý, nhượng bán	-	(52.000)	-	-	-	(52.000)
Giảm khác	-	(946.203)	(83.871)	(849.151)	-	(1.879.225)
Số dư cuối năm	135.952.365	649.823.167	40.640.780	1.335.691	1.312.111	829.064.114
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.423.288	36.817.730	13.978.544	1.100.949	157.277	59.477.788
Khấu hao trong năm	1.095.287	41.808.493	4.671.824	234.625	192.416	48.002.645
Thanh lý, nhượng bán	-	(25.333)	-	-	-	(25.333)
Giảm khác	-	(524.096)	(71.971)	(627.609)	(18.241)	(1.241.917)
Số dư cuối năm	8.518.575	78.076.794	18.578.397	707.965	331.452	106.213.183
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.508.196	440.809.493	20.322.198	1.083.892	1.154.834	472.878.613
Tại ngày cuối năm	127.433.790	571.746.374	22.062.383	627.725	980.659	722.850.931

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 500.173.872.537 VND.
– Xem thêm mục 5.12 và 5.19.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.898.732.887 VND.

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	VND
Khoản mục	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	10.339.284.741
Thuê tài chính trong năm	-
Số dư cuối năm	10.339.284.741
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	646.205.296
Khấu hao trong năm	1.292.410.597
Số dư cuối năm	1.938.615.893
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	9.693.079.445
Tại ngày cuối năm	8.400.668.848

Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Tiền thuê được tính dựa trên giá trị thuê và lãi suất thuê được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền mua tài sản: Bên Thuê đồng ý mua lại Tài sản thuê và Bên Cho Thuê đồng ý bán Tài sản Thuê với giá bằng giá trị còn lại được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

			VND
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.025.277.943	45.649.493	3.070.927.436
Khấu hao trong năm	1.428.464.845	11.412.372	1.439.877.217
Số dư cuối năm	4.453.742.788	57.061.865	4.510.804.653
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	59.844.969.865	45.649.507	59.890.619.372
Tại ngày cuối năm	58.416.505.020	34.237.135	58.450.742.155

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 54.053.113.503 VND – Xem thêm mục 5.12 và 5.19.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Máy móc, dây chuyền sản xuất	128.505.822.055	181.343.390.563
Công trình văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn	4.020.377.023	112.152.476.174
Công trình xây dựng đường trạm, hệ thống điện, PCCC, xử lý nước thải	12.024.816.142	9.021.844.057
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.611.336.772	1.182.251.998
Tổng cộng	146.162.351.992	303.699.962.792

5.11. Chi phí lãi vay được vốn hóa

Trong năm, Nhóm công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền 5.951.280.735 VND. Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển tài sản cố định là dây chuyền cán nguội 6 Hi. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản riêng biệt. Chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm không vượt quá tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	656.921.402.783	568.527.549.905
Vay đối tượng khác	984.733.250	2.161.069.737
Vay dài hạn đến hạn trả	54.768.784.000	94.970.184.448
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.781.902.030	3.563.804.064
Tổng cộng	714.456.822.063	669.222.608.154

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 7,9% – 11%/năm đối với VND và từ 4,7% đến 6% đối với USD. Khoản vay được đảm bảo hàng hóa hình thành từ vốn vay, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình – Xem thêm mục 5.4, 5.7 và 5.9.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân có liên quan dưới hình thức tín chấp với lãi suất từ 0% đến 1,65%/tháng – Xem thêm mục 8.

Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.19.

Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả là nợ đến hạn theo hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 Chailease ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế - Xem thêm mục 5.19

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	475.291.044.025	225.246.936.198
Người mua trả tiền trước	41.712.658.824	7.829.950.192
Tổng cộng	517.003.702.849	233.076.886.390

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty, được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	204.374.979.874	59.120.157.238
Phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	270.800.565.232	166.126.778.960
Phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	115.498.919	-
Cộng	475.291.044.025	225.246.936.198

Trong đó có khoản phải trả cho các bên liên quan là 2.055.851.616 VND – Xem thêm mục 8.

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	19.886.496	44.183.021.892
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.726.457.045
Thuế xuất, nhập khẩu	9.703.914.547	7.759.773.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.585.833.614	16.879.868.985
Thuế thu nhập cá nhân	334.083.068	1.470.192.746
Các loại thuế khác	601.525.722	4.440.000
Tổng cộng	12.245.243.447	74.023.754.434

5.15. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2013 còn phải trả cho người lao động.

5.16. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	10.444.770.729	3.644.678.424
Chi phí khác	146.452.529	300.548.864
Tổng cộng	10.591.223.258	3.945.227.288

5.17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	267.194.389	262.713.186
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	853.122.903	349.569.651
Phải trả tiền mượn	79.513.700	-
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.203.398.957	3.323.002.624
Tổng cộng	8.555.967.449	4.088.022.961

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.292.988.954	4.765.387.201
Trích lập trong năm	395.554.000	4.871.559.173
Tăng khác	-	6.970.100
Sử dụng trong năm	(3.299.126.170)	(4.350.927.520)
Số dư cuối năm	2.389.416.784	5.292.988.954

5.19. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	154.228.694.028	193.166.508.620
Vay đối tượng khác	111.520.925.958	
Nợ thuê tài chính	-	1.781.902.030
Tổng cộng	265.749.619.986	194.948.410.650

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất giao động từ 12,8% đến 13%/năm đối với khoản vay VND và 8% đến 8,8%/năm đối với khoản vay bằng USD để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng, đầu tư máy móc thiết bị của Dự án nhà máy thép cán nguội. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 208.997.478.028 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 54.768.784.000 VND – Xem thêm mục 5.12.

Vay dài hạn đối tượng khác là các khoản vay cá nhân liên quan có thời hạn 24 tháng dưới hình thức tín chấp, 6 tháng đầu năm lãi suất 0% và 6 tháng cuối năm chịu lãi suất 15,3%/năm – Xem thêm mục 8.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng: Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình – Xem thêm mục 5.7 và 5.9.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn 02 năm. Số dư nợ thuê tài chính đến hạn trả là 1.781.902.030 VND – Xem thêm mục 5.12.

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.20. Vốn chủ sở hữu

5.20.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	247.207.664	17.239.269.021	1.866.469.837	140.680.157.594	763.607.602.072
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	13.185.162.056	13.185.162.056
Trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	8.119.265.288	811.926.529	(8.931.191.817)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.871.559.173)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(46.908.230.000)	(46.908.230.000)
Chi quỹ năm trước	-	-	-	-	-	(45.600.000)	-	(45.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(247.207.664)	-	-	-	(247.207.664)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	24.815.909	24.815.909
Số dư đầu năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	-	25.358.534.309	2.632.796.366	93.179.154.569	724.744.983.200
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	18.780.258.568	18.780.258.568
Trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	659.258.000	65.925.000	(725.183.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(395.554.000)	(395.554.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(219.600.000)	-	(219.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(289.275.605)	(289.275.605)
Số dư cuối năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	-	26.017.792.309	2.479.121.366	110.549.400.532	742.620.812.163

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.20.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu Năm	
	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	216.395.970.000	43,16	187.697.270.000	37,44
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,32	71.817.750.000	14,32
Vốn góp của các đối tượng khác	213.147.180.000	42,52	241.845.880.000	48,24
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.20.3. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2012 với tỷ lệ 10% tương đương số tiền là 46.908.250.000 VND. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty vẫn chưa hoàn thành thủ tục chia cổ tức, theo đó chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông và như vậy chưa ghi nhận tăng vốn.

5.20.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.20.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	18.780.258.568	13.185.162.056
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	46.908.250	46.908.250
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	400	281

5.20.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	93.179.154.569	140.680.157.594
Lợi nhuận sau thuế trong năm	18.780.258.568	13.185.162.056
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(659.258.000)	(8.119.265.288)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(65.925.000)	(811.926.529)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(395.554.000)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	(46.908.230.000)
Tăng khác/(giảm khác)	(289.275.605)	24.815.909
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	110.549.400.532	93.179.154.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.133.274.354.403	852.534.096.030
Doanh thu bán thành phẩm	918.160.602.256	725.699.693.036
Doanh thu xây dựng	-	25.002.660.541
Doanh thu khác	-	40.099.099
Giảm giá hàng bán	(118.012.551)	(184.559.191)
Hàng bán bị trả lại	(6.453.984.859)	(6.776.806.944)
Doanh thu thuần	2.044.862.959.249	1.596.315.182.571

6.2. Giá vốn hàng bán

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.118.382.779.445	824.818.825.917
Giá vốn của thành phẩm đã bán	744.610.366.689	595.015.195.471
Giá vốn xây dựng	-	24.991.032.283
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.268.375.820	(7.991.964.328)
Tổng cộng	1.872.261.521.954	1.436.833.089.343

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.708.678.708	1.248.381.723
Lãi đầu tư chứng khoán	-	82.686.129
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	716.308.917	1.179.503.128
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	227.185.778
Tổng cộng	2.424.987.625	2.737.756.758

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	75.569.271.657	87.070.331.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.197.728.852	2.781.592.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	810.933.926	435.381.293
Lãi bán hàng trả chậm	-	817.042.778
Chi phí hoạt động tài chính khác	4.433.814	22.425.372
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(340.290.003)	(55.159.868)
Tổng cộng	86.242.078.246	91.071.612.637

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.152.825.951	3.207.679.965
Chi phí vật liệu, bao bì	197.982.263	1.246.167.850
Chi phí công cụ, dụng cụ	32.530.000	12.613.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.338.412	104.810.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.934.529.870	1.273.440.544
Chi phí khác	14.638.888.386	6.076.859.843
Tổng cộng	20.071.094.882	11.921.572.052

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	19.950.384.638	14.939.118.403
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	644.832.675	360.004.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.654.330.175	7.613.043.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.105.247.450	7.877.939.996
Chi phí khác	12.053.017.495	9.283.518.449
Tổng cộng	46.407.812.433	40.073.624.185

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	-	10.182.297.323
Thu nhập khác	327.351.780	737.740.328
Tổng cộng	327.351.780	10.920.037.651

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	909.673.797	4.258.466.779
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	9.920.849.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng hoạt động	2.763.414.104	1.301.106.764
Chi phí khác	50.154.007	111.771.273
Tổng cộng	3.723.241.908	15.592.194.100

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Nhóm công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	+ Hoạt động thương mại 20% năm 2012 và 25% năm 2013 + Hoạt động sản xuất 15% và giảm 50%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Đang được miễn thuế
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	25%

6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Nhóm công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND
	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ
Số dư đầu năm trước	-
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(298.322.384)
Số dư đầu năm nay	(298.322.384)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(2.300.365.505)
Số dư cuối năm nay	(2.598.687.889)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.118.382.779.445	824.818.825.917
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	785.362.963.793	750.847.078.492
Chi phí nhân công	45.303.044.036	30.496.008.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.887.938.078	21.157.858.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.004.607.822	9.195.773.133
Chi phí khác	39.125.679.010	33.113.693.775
Tổng cộng	2.092.067.012.184	1.669.629.237.891

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại.
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.
- Hoạt động khác: dịch vụ vận chuyển, lưu kho, xây dựng, gia công.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Triệu đồng									
	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	913.163	719.706	1.131.700	838.888	-	37.720	-	-	2.044.863	1.596.314
Giữa các bộ phận	1.141.469	595.489	2.936.023	1.020.150	-	4.643	(4.077.492)	(1.620.282)	-	-
Tổng cộng	2.054.632	1.315.195	4.067.723	1.859.038	-	42.363	(4.077.492)	(1.620.282)	2.044.863	1.596.314
Kết quả của bộ phận	169.882	125.381	2.693	23.983	-	10.118	-	-	172.575	159.482

(Phần tiếp theo ở trang 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Triệu đồng

<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí không phân bổ								(66.479)	(51.995)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí khác								106.096	107.487
Thu nhập tài chính								2.425	2.738
Chi phí tài chính								(86.242)	(91.072)
Thu nhập khác								327	10.920
Chi phí khác								(3.723)	(15.592)
Lợi nhuận trước thuế								18.910	14.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp								(2.430)	(1.594)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								2.300	298
Lợi nhuận sau thuế								18.780	13.185

Các thông tin khác

<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	449.075	300.171	509.102	479.232	-	-	-	958.177	779.403
Tài sản không phân bổ								1.320.660	1.132.974
Tổng tài sản								2.278.837	1.912.377

<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Nợ phải trả không phân bổ								1.536.216	1.187.631
Tổng nợ phải trả								1.536.216	1.187.631

<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản								62.109	304.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định								50.735	24.009

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhóm công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Triệu đồng

	<u>Trong nước</u>		<u>Ngoài nước</u>		<u>Các khu vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	1.170.224	1.381.939	874.638	214.376	-	-	-	-	2.044.862	1.596.315
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	1.170.224	1.381.939	874.638	214.376	-	-	-	-	2.044.862	1.596.315
Chi phí mua sắm tài sản	62.109	304.050	-	-	-	-	-	-	62.109	304.050
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	2.228.362	1.902.745	50.475	9.632	-	-	-	-	2.278.837	1.912.377

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Nhóm công ty:

Tên công ty và cá nhânMối quan hệ

- Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc: Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
- Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc: Công ty đầu tư
- Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức: Cổ đông lớn
- Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre: Cổ đông lớn
- Ông Nguyễn Thanh Nghĩa: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Bích Liên: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Bà Nguyễn Thanh Dung: Quan hệ ruột thịt với BGĐ và HĐQT
- Bà Nguyễn Thanh Loan: Quan hệ ruột thịt với BGĐ và HĐQT

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.3	11.053.474.126	6.546.401.958
Phải thu khác	1.473.534.249	-
Phải trả - Xem thêm mục 5.13	(2.055.851.616)	(57.386.286.445)
Phải trả khác	(753.091.600)	-
Phải trả lãi vay	(8.712.350.955)	(3.749.050)
Phải trả nợ vay - Xem thêm mục 5.12 và 5.19	(112.505.659.208)	(2.161.069.737)
Tổng cộng	(111.499.945.004)	(53.004.703.274)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vay trong năm	116.026.589.471	76.792.635.574
Trả tiền vay trong năm	5.682.000.000	81.680.460.778
Chi phí lãi vay	8.809.839.547	5.481.117.581
Mua hàng	235.132.841.629	180.650.240.651
Bán hàng	229.045.941.982	326.863.241.695
Xây dựng cơ bản dở dang	1.506.007.962	-
Thu tiền chuyển nhượng QSD đất	-	1.400.000.000

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cầm giữ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0% đến 15,3%/năm.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị của các công ty trong Nhóm công ty	219.600.000	-
Lương Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác của các công ty trong Nhóm công ty	1.555.362.000	1.547.323.484
Tổng cộng	1.774.962.000	1.547.323.484

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Nhóm công ty đang đang thuê máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 08 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 02 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.859.860.246	4.439.905.896
Trên 1 năm đến 5 năm	-	1.859.860.246
Tổng cộng	1.859.860.246	6.299.766.142

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

▪ Quản lý rủi ro vốn

Nhóm công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.18.

▪ Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.869.673.266	27.467.867.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.727.900.081	54.071.288.750
Đầu tư ngắn hạn	986.841.000	646.550.997
Đầu tư dài hạn	941.482.641	339.477.795
Tổng cộng	194.525.896.988	82.525.185.209
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	980.206.442.049	864.171.018.804
Phải trả người bán và phải trả khác	482.573.956.682	228.569.938.822
Chi phí phải trả	10.591.223.258	3.945.227.288
Tổng cộng	1.473.371.621.989	1.096.686.184.914

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Nhóm công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhóm công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	31.358.566,73	7.945.679,81	2.817.583,95	887.157,88
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	100,27	100,27

Quản lý rủi ro lãi suất

Nhóm công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhóm công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Nhóm công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Nhóm công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Nhóm công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm công ty. Nhóm công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm công ty phải trả.

VND

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	482.573.956.682	-	482.573.956.682
Chi phí phải trả	10.591.223.258	-	10.591.223.258
Các khoản vay	714.456.822.063	265.749.619.986	980.206.442.049

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	228.569.938.822	-	228.569.938.822
Chi phí phải trả	3.945.227.288	-	3.945.227.288
Các khoản vay	691.111.867.300	173.059.151.504	864.171.018.804

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.727.900.081	-	89.727.900.081
Đầu tư ngắn hạn khác	986.841.000	-	986.841.000
Đầu tư dài hạn khác	-	941.482.641	941.482.641

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.071.288.750	-	54.071.288.750
Đầu tư ngắn hạn khác	646.550.997	-	646.550.997
Đầu tư dài hạn khác	-	339.477.795	339.477.795

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

11. TÀI SẢN ĐẢM BẢO

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Nhóm công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng tồn kho - Xem thêm mục 5.4	513.922.814.090 VND và 22.066.032,32 USD	284.916.189.075 VND và 14.159.062 USD
Tài sản cố định hữu hình - Xem thêm mục 5.7	500.173.872.537 VND	386.048.073.391 VND
Tài sản cố định vô hình - Xem thêm mục 5.9	54.053.113.503 VND	57.412.032.361 VND
Dây chuyền máy móc thiết bị dở dang - Xem thêm mục 5.10	-	214.064.140.497 VND

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Nhóm công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

13. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Do tái cơ cấu lại Nhóm công ty theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, 02 chi nhánh nêu trên vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

14. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2014.

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIỄN

NGUYỄN THANH NGHĨA

